

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM

Mục Lục

CÂU HỎI MỨC 13

Câu 1: Nguồn gốc của quyền lực nhà nước là: Nhân dân.....3

Câu 2: Hiến pháp là một “khế ước xã hội”.....3

Câu 3: Hiến pháp là một văn bản thể hiện và bảo vệ chủ quyền của nhân dân.....3

Câu 4: Hiến pháp là phương tiện bảo vệ quyền con người, quyền công dân.3

Câu 5: Hiến pháp là văn bản tổ chức quyền lực nhà nước.3

Câu 6: Cấu trúc quy phạm pháp luật của hiến pháp luôn luôn có 3 bộ phận giả định, quy định và chế tài.3

Câu 7: Ngành luật hiến pháp điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội.4

Câu 8: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.....4

Câu 9: Quyền con người không thể bị giới hạn.....4

Câu 10: Các quyền con người có mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.4

Câu 11: Quyền con người đồng nhất với quyền công dân.4

Câu 12: Mọi người có quyền bầu cử và ứng cử.....4

Câu 13: Công dân Việt Nam là người có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.4

Câu 14: Bầu cử là một trong những biện pháp hạn chế quyền lực nhà nước.5

Câu 15: Cơ quan quyền lực nhà nước do nhân dân lập ra và hoạt động theo nhiệm kỳ.5

Câu 16: Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội luôn luôn là 5 năm.....5

Câu 17: Mỗi năm Quốc hội họp không quá hai kỳ.5

Câu 18: Quốc hội phải được họp công khai.5

Câu 19: Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.....5

Câu 20: Đại biểu Quốc hội không đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân.....5

Câu 21: Quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.6

Câu 22: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước duy nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.6

Câu 23: Nhiệm kỳ của Chính phủ là năm năm.6

Câu 24: Bộ trưởng phải là đại biểu Quốc hội.6

CÂU HỎI MỨC 26

Câu 1: Khái niệm hiến pháp và phân loại hiến pháp?.....6

| | |
|--|-----------|
| Câu 2: Hãy trình bày vị trí của ngành luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam. | 7 |
| Câu 3: Hãy phân tích các chức năng của hiến pháp. | 8 |
| Câu 4: Hãy trình bày chính thể nhà nước CHXNCN Việt Nam? | 8 |
| Câu 5: Hãy trình bày bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam? | 9 |
| Câu 6: Hãy trình bày vị trí và vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị? | 9 |
| Câu 7: Hãy phân biệt hiến pháp với các đạo luật khác của quốc gia? | 10 |
| Câu 8: Hãy trình bày chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất của nhà nước CHXNCN Việt Nam? ... | 10 |
| Câu 9: Hãy trình bày các thành phần kinh tế của nhà nước CHXNCN Việt Nam? | 11 |
| Câu 10: Hãy trình bày chính sách giáo dục của nhà nước CHXNCN Việt Nam? | 11 |
| Câu 11: Hãy trình bày khái niệm quyền con người, nguồn gốc quyền con người, các đặc trưng cơ bản quyền con người? | 12 |
| Câu 12: Khái niệm “các nhóm người dễ bị tổn thương”? Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh “các nhóm người dễ bị tổn thương”? | 13 |
| Câu 13: Hãy trình bày khái niệm chế độ bầu cử và các nguyên tắc bầu cử? | 13 |
| Câu 14: Hãy trình bày khái niệm bộ máy nhà nước, cơ quan nhà nước, đặc điểm của cơ quan nhà nước và phân loại các cơ quan nhà nước..... | 14 |
| Câu 15: Hãy trình bày địa vị pháp lý của Chủ tịch nước..... | 15 |
| Câu 16: Hãy trình bày các đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam, địa vị pháp lý của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. | 16 |
| CÂU HỎI MỨC 3 | 17 |
| Câu 1: Hãy phân tích đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật hiến pháp, định nghĩa ngành luật hiến pháp? | 17 |
| Câu 2: Hãy phân tích quan hệ pháp luật hiến pháp?..... | 17 |
| Câu 3: Hãy phân tích chế độ chính trị của nước CHXHCN Việt Nam?..... | 18 |
| Câu 4: Hãy phân tích chính sách xã hội của nước CHXHCN Việt Nam? | 19 |
| Câu 5: Hãy phân tích chính sách văn hóa của nước CHXHCN Việt Nam? | 20 |
| Câu 6: Hãy trình bày các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam? | 20 |
| Câu 7: Hãy trình bày khái niệm, chức năng và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam? | 22 |
| Câu 8: Hãy trình bày khái niệm, chức năng và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam? | 23 |

CÂU HỎI MỨC 1

Câu 1: Nguồn gốc của quyền lực nhà nước là: Nhân dân.

Đúng. Vì khoản 1 điều 2 Hiến pháp 2013 quy định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Câu 2: Hiến pháp là một “khế ước xã hội”.

Đúng. Vì Hiến pháp là nền tảng cho việc tổ chức nhà nước và quản lý xã hội. Vì thế, việc xây dựng Hiến pháp cũng có nghĩa là việc xác định cách thức giải quyết các mối quan hệ cơ bản trong xã hội và do chủ quyền nhân dân là quyền lực tối cao ở 1 quốc gia nên về nguyên tắc chỉ có người dân mới có quyền xây dựng Hiến pháp.

Câu 3: Hiến pháp là một văn bản thể hiện và bảo vệ chủ quyền của nhân dân.

Đúng. Vì thông thường Hiến pháp chỉ có thể được thông qua với sự chấp thuận của nhân dân. Hiến pháp cũng thường quy định các nguyên tắc bầu cử (tự do, bình đẳng, phổ thông, trực tiếp và bỏ phiếu kín) như là phương thức để nhân dân ủy quyền cho các thiết chế đại diện.

Câu 4: Hiến pháp là phương tiện bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Đúng. Vì 1 trong những chức năng cơ bản của Hiến pháp là bảo vệ các quyền con người, quyền công dân. Thông qua Hiến pháp, người dân xác định những quyền gì của mình mà nhà nước phải tôn trọng và bảo đảm thực hiện, cùng những cách thức để bảo đảm những quyền đó.

Câu 5: Hiến pháp là văn bản tổ chức quyền lực nhà nước.

Đúng. Vì Hiến pháp đóng vai trò như 1 đạo luật gốc, cơ bản và khái quát nhất, về tổ chức quyền lực nhà nước. Chúng có những chế định xác lập cơ cấu, các quy tắc tổ chức, vận hành và mối liên hệ giữa các cấu phần cơ bản của bộ máy nhà nước, bao gồm cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Câu 6: Cấu trúc quy phạm pháp luật của hiến pháp luôn luôn có 3 bộ phận giả định, quy định và chế tài.

Sai. Vì luật Hiến pháp điều chỉnh các quan hệ có liên quan đến quyền lực nhà nước nên QPPL của Hiến pháp chủ yếu có 2 bộ phận giả định và quy định, rất ít các QPPL luật Hiến pháp có phần chế tài.

Câu 7: Ngành luật hiến pháp điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội.

Sai. Vì phạm vi đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp là những quan hệ xã hội cơ bản và quan trọng nhất gắn liền với việc xác định chế độ chính trị, kinh tế, chính sách văn hóa – xã hội, QP-AN, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy phạm vi đối tượng điều chỉnh của luật Hiến pháp rất rộng nhưng không phải là ngành luật này điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội.

Câu 8: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Đúng. Vì khoản 1 điều 15 Hiến pháp 2013 quy định: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Công dân được pháp luật trao quyền thì phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng.

Câu 9: Quyền con người không thể bị giới hạn.

Sai. Vì khoản 2 điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Câu 10: Các quyền con người có mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

Đúng. Vì các quyền con người dù là quyền dân sự, chính trị hay các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội cũng đều có mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ, quyền tiếp cận thông tin, quyền học tập là tiền đề để con người có thể có điều kiện thực hiện các quyền khác, không có quyền sống thì sẽ không có quyền nào cả.

Câu 11: Quyền con người đồng nhất với quyền công dân.

Sai. Vì quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ hợp pháp trong luật quốc gia và quốc tế, thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với toàn thể cộng đồng nhân loại. Quyền công dân là tập hợp những quyền tự nhiên được pháp luật của 1 nước ghi nhận và đảm bảo dành cho những người có quốc tịch

Câu 12: Mọi người có quyền bầu cử và ứng cử.

Sai. Vì điều 27 Hiến pháp 2013 quy định: Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định.

Câu 13: Công dân Việt Nam là người có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

Sai. Vì theo khoản 3 và khoản 2, điều 19 Luật quốc tịch 2008, sửa đổi 2014 quy định: Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải biết tiếng Việt, thường trú ở Việt Nam từ 5 năm, có khả năng đảm bảo cuộc sống tại Việt Nam.

Câu 14: Bầu cử là một trong những biện pháp hạn chế quyền lực nhà nước.

Đúng. Vì bầu cử vừa đảm bảo cho nhân dân tham gia rộng rãi vào quá trình bầu cử, vừa bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước và tính tối cao của quyền lực nhân dân. Qua bầu cử nhân dân thành lập nên Quốc hội do vậy quyền lực nhà nước cũng bị hạn chế.

Câu 15: Cơ quan quyền lực nhà nước do nhân dân lập ra và hoạt động theo nhiệm kỳ.

Đúng. Vì qua bầu cử, nhân dân thành lập nên Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước và hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm.

Câu 16: Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội luôn luôn là 5 năm.

Sai. Vì khoản 3 điều 71 Hiến pháp 2013: Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá mười hai tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

Câu 17: Mỗi năm Quốc hội họp không quá hai kỳ.

Sai. Vì theo khoản 2 điều 83 Hiến pháp 2013: Quốc hội họp mỗi năm 2 kỳ. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất 1/3 tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường. Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập kỳ họp Quốc hội.

Câu 18: Quốc hội phải được họp công khai.

Sai. Vì theo khoản 1 điều 83 Hiến pháp 2013: Quốc hội họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Quốc hội quyết định họp kín.

Câu 19: Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sai. Vì văn bản quy phạm pháp luật gồm các loại văn bản luật (Hiến pháp, luật, nghị quyết của QH) và các văn bản dưới luật (nghị định của CP, quyết định của Chủ tịch nước, thông tư của Bộ trưởng...). Như vậy, ngoài Quốc hội còn có Chính phủ, Chủ tịch nước, Bộ trưởng... có quyền xây dựng, ban hành các văn bản QPPL.

Câu 20: Đại biểu Quốc hội không đồng thời là đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đúng. Vì công dân Việt Nam khi nộp đơn ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND, nếu ứng cử thì có thể đồng thời là đại biểu Quốc hội và HĐND.

Câu 21: Quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội, phải được quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Sai. Vì khoản 3 điều 71 Hiến pháp 2013: Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá mười hai tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

Câu 22: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước duy nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sai. Vì Chính phủ chỉ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam. Bên cạnh Chính phủ còn có các cơ quan hành chính nhà nước khác như Bộ và các cơ quan ngang bộ, UBND các cấp, các Sở, phòng, ban tại địa phương.

Câu 23: Nhiệm kỳ của Chính phủ là năm năm.

Sai. Vì theo khoản 1 điều 71 Hiến pháp 2013: Nhiệm kỳ của mỗi khoá Quốc hội là năm năm. Mà điều 97 Hiến pháp 2013 quy định: Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội, khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới thành lập Chính phủ.

Câu 24: Bộ trưởng phải là đại biểu Quốc hội.

Sai. Vì Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các bộ trưởng và các thành viên khác. Ngoài Thủ tướng, các thành viên khác không nhất thiết phải là đại biểu Quốc hội. Do vậy, Bộ trưởng có thể không phải là Đại biểu Quốc hội.

CÂU HỎI MỨC 2

Câu 1: Khái niệm hiến pháp và phân loại hiến pháp?

- Hiến pháp là đạo luật cơ bản của 1 quốc gia, dùng để xác định thể chế chính trị, cách thức tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân.

❖ Phân loại:

➤ Theo hình thức thể hiện:

- Hiến pháp thành văn: được lập thành 1 văn bản riêng và được tuyên bố chính thức là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý tối cao.

- Hiến pháp bất thành văn: tập hợp các quy phạm, tập quán và tư tưởng phản ánh những giá trị cốt lõi của 1 quốc gia, được thể hiện trong 1 số đạo luật, văn bản chính trị, pháp lý và thậm chí cả án lệ. Các quy phạm, tập quán và tư tưởng này được coi như là các quy tắc mang tính hiến pháp, có hiệu lực tối cao, cho dù chúng không cấu thành 1 văn bản riêng và không được tuyên bố chính thức là luật cơ bản của nhà nước.

- Theo thủ tục sửa đổi:
 - Hiến pháp cứng: việc sửa đổi phải tuân theo 1 quy trình đặc biệt, ít nhất phải được 2/3 số đại biểu tán thành hoặc thông qua trưng cầu dân ý hoặc ¾ cơ quan lập pháp của các bang phê chuẩn như Hoa Kỳ.
 - Hiến pháp mềm: có thủ tục sửa đổi đơn giản như 1 đạo luật thông thường, chỉ cần trên 50% số đại biểu tán thành thì Hiến pháp được sửa đổi.
- Theo thời gian:
 - Hiến pháp cổ điển: là các bản Hiến pháp ban hành vào thế kỉ 18 và 19, quy định về tổ chức bộ máy nhà nước, các quyền dân sự, chính trị của con người và công dân.
 - Hiến pháp hiện đại: là các bản Hiến pháp ban hành sau thế kỉ 19, phạm vi điều chỉnh rộng hơn Hiến pháp cổ điển, không những về bộ máy nhà nước mà còn về chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội và các quyền kinh tế, VH, xã hội của công dân.

Câu 2: Hãy trình bày vị trí của ngành luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Luật Hiến pháp xác lập những nguyên tắc cơ bản làm cơ sở để xây dựng các ngành luật khác. Ví dụ: luật Hiến pháp quy định cơ cấu tổ chức, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, xác định những nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ giữa công dân và nhà nước... Như vậy, luật Hiến pháp đã xác lập những nguyên tắc chủ đạo cho việc xây dựng ngành luật hành chính.
- Luật Hiến pháp quy định các loại hình thức sở hữu, xác định đất đai và các tài nguyên thiên nhiên khác thuộc sở hữu toàn dân, chính sách bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế của công dân... Như vậy, luật Hiến pháp đã xác lập những nguyên tắc cơ bản cho ngành luật dân sự, luật đất đai.
- Luật Hiến pháp quy định các loại thành phần kinh tế, chính sách của nhà nước đối với các thành phần kinh tế; xác định các nguyên tắc nhà nước quản lý nền kinh tế, quy định chính sách của nhà nước khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư vốn... Như vậy, luật Hiến pháp đã xác lập những nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng ngành luật kinh tế, luật thương mại.
- Luật Hiến pháp quy định lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân, nhà nước và xã hội có kế hoạch ngày càng tạo nhiều việc làm cho người lao động; nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động, quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội... Như vậy, luật Hiến pháp đã xác lập những nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng ngành luật lao động.
- Luật Hiến pháp quy định công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, thư tín điện thoại, điện tín; xác định công dân phải trung thành với Tổ quốc; quy định mọi hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, tập thể và công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh... Như vậy, ngành luật Hiến pháp đã xác lập những nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng ngành luật dân sự.

Vị trí trung tâm của ngành luật Hiến pháp không có nghĩa là luật Hiến pháp sẽ bao trùm tất cả các ngành luật. Luật Hiến pháp chỉ xác lập những nguyên tắc cơ bản nhất cho các ngành luật khác mà quy phạm của các ngành luật phải phù hợp với nguyên tắc đó. Luật Hiến pháp còn quy định cả trình tự thông qua, sửa đổi, bãi bỏ quy phạm của các ngành luật khác.

Quy phạm luật Hiến pháp điều chỉnh những quan hệ xã hội liên quan đến việc xác định những nguyên tắc cơ bản của chế độ chính trị, kinh tế - xã hội của nhà nước. Mặt khác, những quan hệ kinh tế - xã hội lại nằm dưới sự tác động trực tiếp của các ngành luật dân sự, luật kinh tế, luật thương mại, lao động, đất đai, hình sự... Vì vậy, giữa luật Hiến pháp và các ngành luật này có mối quan hệ khá chặt chẽ. Luật Hiến pháp tác động lên các ngành luật khác, ngược lại các ngành luật cũng có sự tác động nhất định lên ngành luật Hiến pháp.

Câu 3: Hãy phân tích các chức năng của hiến pháp.

- Thiết lập và trao quyền cho bộ máy nhà nước: Hiến pháp quy định cơ cấu của bộ máy nhà nước và trao quyền cho các cơ quan nhà nước chính (quyền lập pháp cho nghị viện/QH, hành pháp cho Chính phủ, tư pháp cho TA). Chỉ khi được quy định trong Hiến pháp, các cơ quan nhà nước và quyền lực của các cơ quan đó mới có tính pháp lý chính đáng.
- Giới hạn và kiểm soát quyền lực của các cơ quan nhà nước: Cùng với việc trao quyền, hiến pháp xác định giới hạn và cách thức sử dụng quyền lực được giao của các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, Hiến pháp còn thiết lập các cơ chế và thiết chế để giám sát, kiểm soát và xử lý việc lạm dụng quyền lực của các cơ quan nhà nước.
- Bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người, quyền công dân: Quyền con người, quyền công dân là 1 trong những nội dung quan trọng nhất không thể thiếu của các Hiến pháp từ trước tới nay. Bên cạnh việc ghi nhận các quyền con người, quyền công dân, các Hiến pháp còn quy định các cơ chế, thiết chế để đảm bảo rằng các quyền đó được tôn trọng, thực hiện trong thực tế.

Ngoài các chức năng cơ bản nêu trên, 1 số Hiến pháp còn đóng vai trò là văn bản tuyên bố các giá trị cốt lõi của 1 dân tộc và những định hướng phát triển của 1 đất nước.

Câu 4: Hãy trình bày chính thể nhà nước CHXNCN Việt Nam?

- Chính thể là mô hình tổ chức tổng thể của bộ máy quyền lực nhà nước, thể hiện cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, xác lập mối quan hệ cơ bản giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và giữa nhà nước với nhân dân.
- Theo quy định của Hiến pháp, nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
 - + Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.
 - + Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội.
 - + Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.
 - + Hệ thống TAND và VKSND tiếp tục củng cố và phát triển. Hiến pháp và các luật về tổ chức TA và VKS có nhiều quy định mới và cụ thể để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các cơ quan này. Đồng thời, các cơ quan hỗ trợ tư pháp như luật sư, giám định tư pháp... cũng đã

hình thành, góp phần tích cực vào quá trình dân chủ hóa các hoạt động tư pháp và đảm bảo pháp chế XHCN.

Câu 5: Hãy trình bày bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam?

- Nhà nước ta là nhà nước XHCN, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với nhà nước và xã hội là nguyên tắc hiến định.
- Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Nhân dân là chủ thể quyền lực của nhà nước: quyền lực nhà nước xuất phát từ nhân dân, do nhân dân tổ chức ra và vì lợi ích của nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước phải trên cơ sở của pháp luật, nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.
- Dân chủ là thuộc tính của nhà nước CHXHCN Việt Nam. Nhà nước đảm bảo và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia đồng đảo vào các công việc của nhà nước và xã hội.
- Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc Việt Nam, nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.
- Mục đích của nhà nước CHXHCN Việt Nam là xây dựng 1 nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Nhà nước thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào các công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Câu 6: Hãy trình bày vị trí và vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị?

Nhà nước có vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống chính trị. Bởi vì, quyền lực chính trị bao giờ cũng thể hiện tập trung ở quyền lực nhà nước, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị luôn phải dựa trên cơ sở pháp luật do nhà nước ban hành, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị phụ thuộc rất nhiều vào sức mạnh và hiệu lực quản lý nhà nước. Nhà nước là 1 bộ phận hợp thành của hệ thống chính trị nhưng nó luôn đứng ở vị trí trung tâm của hệ thống đó và giữ vai trò quan trọng, là công cụ để thực hiện quyền lực của nhân dân, giữ gìn trật tự kỉ cương và bảo đảm công bằng xã hội. Nhà nước có những đặc điểm sau:

- Nhà nước là đại diện chính thức của toàn bộ dân cư, là tổ chức rộng lớn nhất trong xã hội, quản lý tất cả công dân và cư dân trong lãnh thổ của mình.
- Nhà nước có chủ quyền tối cao trong lĩnh vực đối nội, đối ngoại, có bộ máy quyền lực và có sức mạnh để đảm bảo thực hiện quyền lực chính trị và bảo vệ chế độ chính trị của nhà nước.

- Nhà nước có pháp luật, công cụ có hiệu lực nhất để thiết lập trật tự kỉ cương, quản lý mọi mặt đời sống xã hội.
- Nhà nước là chủ sở hữu lớn nhất trong xã hội, có đủ điều kiện và sức mạnh vật chất để tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị, quản lý đất nước và xã hội; bảo trợ cho các tổ chức khác trong hệ thống chính trị để thực hiện các hoạt động của mình.

Câu 7: Hãy phân biệt hiến pháp với các đạo luật khác của quốc gia?

Một bản Hiến pháp khác với các đạo luật thông thường của quốc gia ở những điểm cơ bản sau:

- **Tính chất:** Hiến pháp là văn bản thể hiện và bảo vệ chủ quyền của nhân dân, thông qua việc giới hạn quyền lực nhà nước và khẳng định các quyền con người, quyền công dân. Trong khi đó, các đạo luật thông thường là tập hợp những quy tắc cư xử bắt buộc do nhà nước lập ra để quản lý xã hội, vì thế mang tính chất là công cụ pháp lý của nhà nước, chủ yếu phản ánh ý chí của nhà nước.
- **Phạm vi và mức độ điều chỉnh:** Hiến pháp có phạm vi điều chỉnh rất rộng, liên quan đến tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia, song chỉ tập trung vào các mối quan hệ cơ bản và chỉ đề cập đến các nguyên tắc định hướng, nền tảng, không đi sâu chi tiết. Còn các đạo luật thông thường chỉ đề cập đến 1 lĩnh vực nhất định nhưng đi sâu điều chỉnh từng mối quan hệ cụ thể.
- **Thủ tục xây dựng và sửa đổi:** Quy trình xây dựng và sửa đổi Hiến pháp bao gồm nhiều thủ tục chặt chẽ và đòi hỏi nhiều thời gian hơn so với các đạo luật thông thường, đặc biệt với những Hiến pháp cứng. Ngay cả với những bản Hiến pháp mềm cũng đòi hỏi việc xin ý kiến nhân dân là bắt buộc khi xây dựng Hiến pháp. Hơn nữa, việc thông qua Hiến pháp cũng cần phải có tỷ lệ biểu quyết cao hơn (đa số 2/3) so với việc thông qua các đạo luật thông thường.

Câu 8: Hãy trình bày chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất của nhà nước CHXNCN Việt Nam?

- ❖ Sở hữu toàn dân:
 - Chủ thể: nhân dân, trong đó nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.
 - Khách thể: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý.
 - Cơ sở pháp lý để hình thành sở hữu toàn dân:
 - + Tiếp thu tài sản của chế độ cũ để lại;
 - + Sự giúp đỡ không hoàn lại của các nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- ❖ Sở hữu tập thể:
 - Chủ thể: Hợp tác xã và các hình thức kinh tế tập thể khác do cá nhân, hộ gia đình cùng góp vốn, góp sức hợp tác, sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện mục đích chung.
 - Khách thể: vốn, tư liệu sản xuất (phương tiện, máy móc, công cụ lao động), tư liệu dùng trong sinh hoạt.
 - Cơ sở pháp lý để hình thành sở hữu tập thể:
 - + Góp vốn, tài sản khác của các thành viên trong tổ chức;

- + Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tích lũy vốn, trích lại 1 phần lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển;
- ❖ Sở hữu tư nhân:
 - Chủ thể: cá nhân, công dân.
 - Khách thể: tài sản hợp pháp.
 - Cơ sở pháp lý để hình thành sở hữu tư nhân:
- + Do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp;
- + Chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận;

Câu 9: Hãy trình bày các thành phần kinh tế của nhà nước CHXNCN Việt Nam?

- ❖ Thành phần kinh tế nhà nước:
 - Dựa trên chế độ sở hữu toàn dân về chế độ sản xuất, gồm các doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng nhà nước, ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ quốc gia.
 - Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế:
 - + Nhà nước nắm giữ vị trí then chốt trong những ngành, lĩnh vực kinh tế, những địa bàn quan trọng của đất nước.
 - + Là công cụ để nhà nước điều tiết, quản lý vĩ mô nền kinh tế.
- ❖ Thành phần kinh tế tập thể:
 - Nòng cốt của kinh tế tập thể là hợp tác xã.
 - Hình thành dựa trên sở hữu tập thể và sở hữu của các thành viên. Đó là sự liên kết rộng rãi của những người lao động, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phân phối theo lao động, vốn góp và mức độ tham gia.
- ❖ Thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân:
 - Là những người không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.
 - Hình thành trên cơ sở sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là chủ yếu.
- ❖ Thành phần kinh tế tư bản nhà nước:

Là sự hợp tác để sản xuất kinh doanh giữa nhà nước với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước.

 - ❖ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:
 - Gồm có:
 - + Các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài;
 - + Các doanh nghiệp liên doanh;
 - + Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
 - Thành phần kinh tế này không đồng nhất với thành phần kinh tế trong nước cả về mục tiêu và cơ chế hoạt động.

Câu 10: Hãy trình bày chính sách giáo dục của nhà nước CHXNCN Việt Nam?

Giáo dục là quá trình hoạt động nhằm tác động 1 cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người nhằm tạo ra những phẩm chất và năng lực cần thiết của con

người phù hợp với yêu cầu của xã hội. Giáo dục là quá trình dạy, rèn luyện và học tập nhằm nâng cao tri thức khoa học và kĩ năng nghề nghiệp.

Theo Luật giáo dục 2005:

- Chính sách giáo dục là những định hướng, những nguyên tắc cơ bản trong việc xác định mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung, phương pháp giáo dục và tổ chức hệ thống giáo dục, đào tạo.
- Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.
- Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục, chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học, phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý.
- Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật, người nghèo được học văn hóa và học nghề.

Câu 11: Hãy trình bày khái niệm quyền con người, nguồn gốc quyền con người, các đặc trưng cơ bản quyền con người?

- Có nhiều định nghĩa khác nhau về quyền con người, theo LHQ: Quyền con người là những đảm bảo pháp lý phổ quát có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người.

Tóm lại, quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế.

❖ Nguồn gốc: được chia thành 2 trường phái:

- Quyền tự nhiên: là những quyền bẩm sinh vốn có của con người mà mọi người từ khi sinh ra đều được hưởng bởi đơn giản họ là thành viên của gia đình nhân loại.
- Quyền pháp lý: quyền con người không phải bẩm sinh, vốn có của con người mà do nhà nước xác định và pháp điển hóa thành các QPPL.

❖ Đặc trưng cơ bản:

- **Tính phổ biến:** Quyền con người là những quyền bẩm sinh, vốn có của con người và được áp dụng cho tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại mà không có sự phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì. Tuy nhiên, cần chú ý là sự bình đẳng không có nghĩa là cào bằng mức độ hưởng thụ, mà là bình đẳng về tư cách chủ thể và cơ hội thụ hưởng các quyền con người.

- **Tính không thể chuyển nhượng:** Quyền con người không thể bị tước bỏ hay hạn chế 1 cách tùy tiện bởi bất kỳ chủ thể nào. Mọi giới hạn, hạn chế hay tước bỏ quyền của 1 cá nhân đều phải do pháp luật quy định và chỉ nhằm để bảo vệ lợi ích chính đáng, tương xứng của cộng đồng hay của cá nhân khác.

- **Tính không thể bị phân chia:** Quyền con người đều có tầm quan trọng như nhau, về nguyên tắc không có quyền nào được coi là có giá trị cao hơn quyền nào, bởi lẽ việc tước bỏ hay hạn chế bất kỳ quyền nào đều tác động tiêu cực đến nhân phẩm, giá trị và sự phát triển

của con người. Tuy nhiên tùy bối cảnh và với những đối tượng cụ thể, có thể ưu tiên thực hiện 1 số quyền nhất định.

Ví dụ: khi có dịch bệnh đe dọa, phải ưu tiên thực hiện quyền được chăm sóc y tế.

- **Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau:**Việc bảo đảm các quyền con người, toàn bộ hoặc 1 phần, nằm trong mối liên hệ phụ thuộc và tác động lẫn nhau. Sự vi phạm 1 quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác. Ngược lại, tiến bộ trong bảo đảm 1 quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác.

Câu 12: Khái niệm “các nhóm người dễ bị tổn thương”? Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh “các nhóm người dễ bị tổn thương”?

Các nhóm người dễ bị tổn thương là khái niệm dùng để chỉ các cộng đồng, nhóm người có vị thế về chính trị, kinh tế hoặc xã hội thấp hơn đa số, khiến họ có nguy cơ cao hơn bị bỏ quên hay bị vi phạm quyền. Bởi vậy, họ cần được chú ý bảo vệ đặc biệt so với những nhóm, cộng đồng người khác.

❖ Luật nhân quyền quốc tế:

- Tuyên ngôn nhân quyền của LHQ 1948
- Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966
- Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966
- Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, 1979
- Công ước về quyền trẻ em, 1989
- Công ước về quyền của những người khuyết tật, 2006
- Công ước về vị thế người không quốc tịch, 1954
- Công ước về vị thế của người tị nạn, 1951.

❖ Hệ thống văn bản QPPL Việt Nam:

- Hiến pháp năm 2013
- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, 2004
- Luật người khuyết tật, 2010
- Luật người cao tuổi, 2009
- Luật bình đẳng giới, 2006
- Luật phòng chống bạo lực gia đình, 2007

Câu 13: Hãy trình bày khái niệm chế độ bầu cử và các nguyên tắc bầu cử?

- Chế độ bầu cử là 1 tổng thể các nguyên tắc, các QPPL bầu cử, cùng các mối quan hệ xã hội được hình thành trong tất cả các quá trình tiến hành bầu cử từ lúc người công dân được ghi tên trong danh sách cử tri cho đến lúc bỏ phiếu vào thùng phiếu và xác định kết quả bầu cử.

❖ Các nguyên tắc:

- Nguyên tắc bầu cử phổ thông:

+ Là nguyên tắc quan trọng trong việc tổ chức các cuộc bầu cử. Công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, HĐND.

+ Pháp luật quy định những trường hợp đặc biệt sau đây không được tham gia bầu cử: Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của TA đã có hiệu lực pháp luật, người đang phải chấp hành hình phạt tù, người mất NLHVDS thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

- Nguyên tắc bầu cử trực tiếp:

Nội dung của nguyên tắc này là cử tri tín nhiệm người nào bỏ phiếu thẳng cho người ấy làm đại biểu quốc hội hay đại biểu HĐND không thông qua người nào khác, cấp nào khác. Luật bầu cử của nước ta hiện nay có các quy định chặt chẽ để đảm bảo cho các nguyên tắc trực tiếp được thực hiện: ngày bầu cử phải được tiến hành vào ngày chủ nhật để nhân dân có điều kiện trực tiếp tham gia bỏ phiếu; trước ngày bỏ phiếu, nhân dân được thường xuyên thông báo địa điểm bỏ phiếu; cử tri phải tự mình đi bầu; không đồng ý ứng cử viên nào thì trực tiếp gạch tên của ứng cử viên đó lên phiếu bầu...

- Nguyên tắc bỏ phiếu kín:

+ Nguyên tắc này bảo đảm cho cử tri tự do biểu lộ ý chí của mình trong việc lựa chọn đại biểu, tránh mọi sự sắp đặt.

+ Khi cử tri bỏ phiếu phải tự mình viết phiếu, tự mình gạch tên người ứng cử mà mình không tín nhiệm, tự mình bỏ phiếu bầu vào hòm, không 1 người nào được xem cử tri viết phiếu. Cử tri không viết được thì nhờ người khác viết nhưng phải tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Nếu vì tàn tật không tự mình bỏ phiếu được thì có thể nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm.

- Nguyên tắc bầu cử bình đẳng:

+ Là 1 nguyên tắc đòi hỏi phải tuân thủ trong suốt quá trình tiến hành bầu cử.

+ Mỗi cử tri được phát 1 phiếu bầu, giá trị mỗi phiếu là như nhau. Địa vị xã hội, tài sản... của cử tri không có ảnh hưởng gì đến giá trị phiếu bầu. Mỗi cử tri chỉ được ghi tên 1 lần trong danh sách cử tri, chỉ được lập danh sách ứng cử viên ở 1 đơn vị bầu cử trong 1 cuộc bầu cử.

+ Việc chia đơn vị phải căn cứ vào dân số các địa phương và tổng số các đại biểu phải bầu. Mỗi đơn vị bầu cử được bầu ra số lượng đại biểu tỉ lệ thuận với số dân của mình. Việc ấn định số lượng đại biểu phải bầu cho mỗi đơn vị dựa trên định mức bầu cử và số lượng cử tri của đơn vị bầu cử.

Câu 14: Hãy trình bày khái niệm bộ máy nhà nước, cơ quan nhà nước, đặc điểm của cơ quan nhà nước và phân loại các cơ quan nhà nước.

- Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc nhất định, bảo đảm cho nhà nước thực hiện được mọi chức năng, nhiệm vụ của mình và thực sự là công cụ quyền lực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Cơ quan nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, bao gồm các thiết chế tập thể hoặc cá nhân thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước.

❖ Đặc điểm:

- Cơ quan nhà nước được lập ra theo trình tự do pháp luật quy định. Ví dụ: Quốc hội và HĐND được thành lập bằng bầu cử trực tiếp, phổ thông, bình đẳng và bỏ phiếu kín.

- Cơ quan nhà nước được trao quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nhất định được pháp luật quy định; hoạt động của cơ quan nhà nước mang đặc tính quyền lực nhà nước.

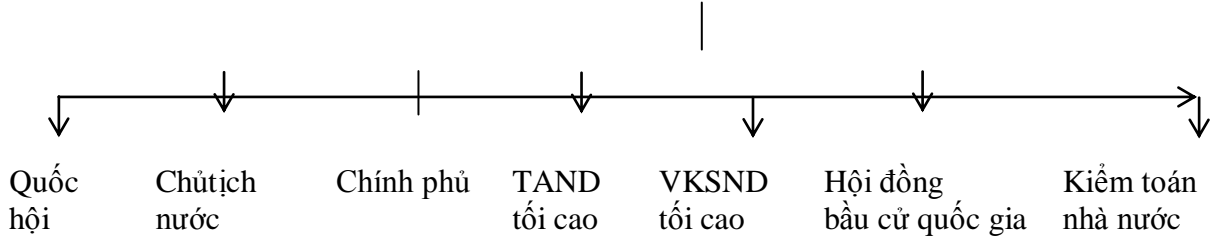
- Hoạt động của cơ quan nhà nước thường phải tuân theo trình tự nhất định được quy định nghiêm ngặt trong pháp luật.
- Những cá nhân đảm nhiệm chức trách trong cơ quan nhà nước phải là công dân Việt Nam.

❖ Phân loại:

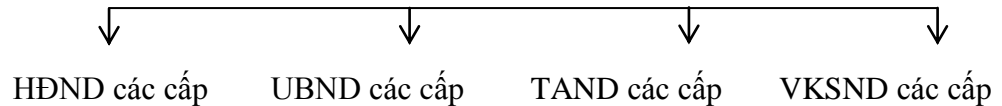
➢ Căn cứ vào vị trí, tính chất, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

| Quốc hội | Chính phủ | TAND tối cao | VKSND tối cao | Hội đồng bầu cử quốc gia | Kiểm toán nhà nước | Chủ tịch nước |
|---------------------|---------------------|----------------|-----------------|--------------------------|--------------------|---------------|
| | | TAND cấp cao | VKSND cấp cao | | | |
| HĐND cấp tỉnh | UBND cấp tỉnh | TAND cấp tỉnh | VKSND cấp tỉnh | | | |
| HĐND cấp huyện | UBND cấp huyện | TAND cấp huyện | VKSND cấp huyện | | | |
| HĐND cấp xã, phường | UBND cấp xã, phường | | | | | |

➢ Căn cứ vào thẩm quyền, địa giới hành chính, cấu trúc lãnh thổ:
Cơ quan nhà nước trung ương



Cơ quan nhà nước địa phương



Câu 15: Hãy trình bày địa vị pháp lý của Chủ tịch nước.

- Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại.
- Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước:
 - + Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh.
 - + Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng CP; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng CP, Bộ trưởng và các thành viên khác của CP.

+ Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán TAND tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán các tòa khác, Phó viện trưởng, Kiểm sát viên VKSND tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá.

+ Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam.

+ Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh; quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đo đóc, phó đo đóc, đo đóc Hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị QĐND Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ; công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

+ Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của CHXHCN Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký kết ĐUQT nhân danh nhà nước.

Câu 16: Hãy trình bày các đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam, địa vị pháp lý của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

❖ Các đơn vị hành chính của nước CHXHCN Việt Nam được phân định như sau:

- Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;
- Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường.
- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

❖ Địa vị pháp lý của Hội đồng nhân dân:

- HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.
- HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND.

❖ Địa vị pháp lý của Ủy ban nhân dân:

- UBND ở cấp chính quyền địa phương do HĐND cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước HĐND và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.
- UBND tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

CÂU HỎI MỨC 3

Câu 1: Hãy phân tích đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật hiến pháp, định nghĩa ngành luật hiến pháp?

❖ Đối tượng điều chỉnh:

- Là những quan hệ xã hội cơ bản và quan trọng nhất gắn liền với việc xác định chế độ chính trị, kinh tế, chính sách văn hóa – xã hội, quốc phòng an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Phạm vi đối tượng điều chỉnh rất rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực của cuộc sống xã hội và nhà nước. Tuy nhiên, luật Hiến pháp chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản nhất, quan trọng nhất mà những quan hệ đó tạo thành nền tảng của chế độ nhà nước và xã hội, có liên quan tới việc thực hiện quyền lực nhà nước:

+ Chính trị: các quan hệ xã hội liên quan đến việc xác định nguồn gốc quyền lực nhà nước, các hình thức nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước, các quan hệ xã hội xác định mối quan hệ giữa nhà nước, ĐCSVN, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

+ Kinh tế: các quan hệ xã hội xác định các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế, chính sách của nhà nước đối với các thành phần kinh tế, vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế.

+ Quan hệ giữa con người với nhà nước: các quan hệ xã hội liên quan tới việc xác định địa vị pháp lý cơ bản của công dân: quốc tịch, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

+ Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: các quan hệ xã hội liên quan tới việc xác định các nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước.

❖ Phương pháp điều chỉnh:

- Phương pháp cho phép: điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến thẩm quyền của cơ quan nhà nước, quyền hạn của những người có chức trách trong bộ máy nhà nước.

- Phương pháp bắt buộc: điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến nghĩa vụ công dân, tổ chức và hoạt động của nhà nước, các cơ quan nhà nước.

- Phương pháp cấm: điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc công dân.

Ngoài ra luật Hiến pháp còn sử dụng phương pháp xác lập những nguyên tắc chung mang tính định hướng cho các chủ thể.

❖ Ngành luật Hiến pháp là hệ thống các QPPL điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản và quan trọng gắn liền với việc xác định chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Câu 2: Hãy phân tích quan hệ pháp luật hiến pháp?

❖ Chủ thể được chia thành 2 nhóm lớn:

➤ Nhóm 1:

- Nhân dân: bao gồm các giai tầng trong xã hội mà nòng cốt là liên minh công nông và đội ngũ cán bộ tri thức. Nhân dân tham gia quan hệ pháp luật hiến pháp với tư cách là chủ thể của quyền lực nhà nước.

- Các dân tộc cũng là 1 trong những chủ thể quan trọng của luật Hiến pháp.
- Cử tri đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập cơ quan đại diện nhân dân (Quốc hội, HĐND)
 - Công dân Việt Nam là chủ thể tham gia vào nhiều quan hệ pháp luật hiến pháp, đặc biệt trong mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.
 - Đại biểu quốc hội, đại biểu HĐND, những người giữ trọng trách trong cơ quan nhà nước là những cá nhân có năng lực pháp lí đặc biệt, được trao cho những quyền hạn nhất định phù hợp với nhiệm vụ và phạm vi hoạt động khi tham gia vào quan hệ pháp luật hiến pháp.
 - Mọi người là chủ thể của tất cả các quyền con người được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam thừa nhận.
- Nhóm 2:
 - Nhà nước CHXHCN Việt Nam: là tổ chức chính trị đặc biệt của xã hội, đóng vai trò quan trọng trong các quan hệ pháp luật hiến pháp.
 - Các cơ quan nhà nước bao gồm Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ, TAND, VKSND, HĐND, UBND.
 - Các tổ chức chính trị xã hội.
 - ❖ Khách thể: Là những giá trị (vật chất, tinh thần), những vấn đề mà chủ thể quan hệ pháp luật Hiến pháp tác động đến nhằm đạt được mục đích của mình:
 - Những giá trị vật chất: đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên thiên nhiên trong lòng đất, thềm lục địa.
 - Những giá trị tinh thần như các quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân.
 - Lãnh thổ quốc gia, địa giới giữa các địa phương.
 - Hành vi của cá nhân, tổ chức hoặc của cơ quan, các nhà chức trách nhà nước.

Câu 3: Hãy phân tích chế độ chính trị của nước CHXHCN Việt Nam?

- **Chế độ chính trị cũng như toàn bộ nội dung của Hiến pháp 2013 đều thể hiện nhất quán quan điểm về chủ quyền nhân dân với nguyên tắc: “Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”.**
 - Nước CHXHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân với tầng lớp trí thức.
 - Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và các cơ quan khác của nhà nước.
 - Nhiệm vụ của nhà nước là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.
- **Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN.**
 - Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
 - Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

➤ **Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội.**

ĐCSVN – đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác – Lenin và tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội.

➤ **Chính sách đại đoàn kết dân tộc.**

- Nước CHXHCN Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, truyền thống tốt đẹp của mình.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là 1 bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

➤ **Chính sách đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế.**

Nước ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương LHQ và ĐUQT mà CHXHCN Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Câu 4: Hãy phân tích chính sách xã hội của nước CHXHCN Việt Nam?

Chính sách xã hội là bộ phận cấu thành chính sách chung của Đảng hay chính quyền nhà nước trong việc giải quyết và quản lý các vấn đề xã hội; bao trùm mọi mặt về đời sống con người.

❖ Nội dung cơ bản của chính sách xã hội:

➤ **Chính sách lao động:**

- Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động.

- Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động.

➤ **Chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân:**

- Mục tiêu: giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, tử vong; nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, nguồn nhân lực, hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe đồng bộ từ TƯ đến cơ sở.

- Giải pháp:

+ Phát triển, hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa: phát triển các loại hình y dược tư nhân.

+ Nâng cao hiệu quả thông tin, giáo dục, truyền thông.

➤ **Các chính sách xã hội khác:**

a. Chính sách tôn vinh, khen thưởng ưu đãi người có công với đất nước.

b. Chính sách phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác:

Câu 5: Hãy phân tích chính sách văn hóa của nước CHXHCN Việt Nam?

Chính sách văn hóa là những tư tưởng chỉ đạo, những nguyên tắc và định hướng cơ bản trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa của 1 cộng đồng, quốc gia, dân tộc, khu vực lãnh thổ hoặc trong phạm vi quốc tế.

❖ Nội dung cơ bản:

- Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam, tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân. Nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa. Nghiêm cấm truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động, đồi trụy, bài trừ mê tín, hủ tục.

- Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân, phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý chí làm chủ, trách nhiệm công dân.

Câu 6: Hãy trình bày các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam?

➤ **Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.**

- Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước được thực hiện theo chế độ tập quyền kết hợp với tản quyền và phân quyền, theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào Quốc hội nhưng có sự phân công, phân nhiệm giữa Quốc hội với Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và HĐND.

- Quốc hội quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và của nhân dân.

- Quốc hội và HĐND có quyền giám sát hoạt động của tất cả cơ quan nhà nước cùng cấp và cấp dưới. Quốc hội có quyền giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của nhà nước.

➤ **Nguyên tắc Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước.**

Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước bằng các phương thức sau:

- Vạch ra chủ trương, đường lối, phương hướng lớn và thông qua các cơ quan nhà nước để thể chế hóa thành chính sách, pháp luật.

- Đề xuất sáng kiến và định hướng về tổ chức bộ máy nhà nước trong từng thời kỳ để quốc hội quyết định.

- Lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và giới thiệu họ cho các cơ quan nhà nước.
- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nghị quyết của Đảng và vận động các cơ quan nhà nước tự giác thực hiện.
- Kiểm tra, thanh tra, xem xét việc thực hiện nghị quyết của Đảng trong các cơ quan nhà nước.
- Thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật của Đảng.
- Tiên phong, gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.
- **Nguyên tắc bình đẳng và đoàn kết dân tộc.**
 - Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam là bộ máy nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, các dân tộc đều có quyền có đại biểu trong các cơ quan quyền lực nhà nước.
 - Có các cơ quan chuyên trách về vấn đề dân tộc như Hội đồng dân tộc của QH, Ủy ban dân tộc của CP.
 - Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, đảm bảo cho các dân tộc đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.
 - Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và truyền thống của mình.
 - Thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các đồng bào dân tộc thiểu số.
- **Nguyên tắc tập trung dân chủ.**
 - Cấp dưới phải phục tùng tuyệt đối các chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên và pháp luật.
 - Quốc hội và HĐND đều do nhân dân trực tiếp bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân.
 - Những vấn đề quan trọng của cơ quan nhà nước phải đưa ra thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số.
- **Nguyên tắc pháp chế XHCN.**
 - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, các cơ quan nhà nước phải được tổ chức và hoạt động trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật.
 - Cần có hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh. Nhà nước phải không ngừng xây dựng, phát triển hệ thống pháp luật để có đủ các QPPL điều chỉnh các quan hệ xã hội. Cần kịp thời thay đổi những quan hệ xã hội đã lạc hậu, bổ sung những quy phạm mới phù hợp với yêu cầu của cuộc sống.
 - Pháp chế XHCN đòi hỏi phải tuân thủ triệt để các QPPL. Mọi công dân đều bình đẳng trong việc chấp hành pháp luật, không có sự phân biệt, ngoại lệ.
 - Các cơ quan nhà nước, các bộ, công chức, viên chức nhà nước có thẩm quyền phải xử lí nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 7: Hãy trình bày khái niệm, chức năng và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam?

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của nhà nước.

❖ **Nhiệm vụ và quyền hạn:** (trích dẫn 1 số điều theo Hiến pháp 2013)

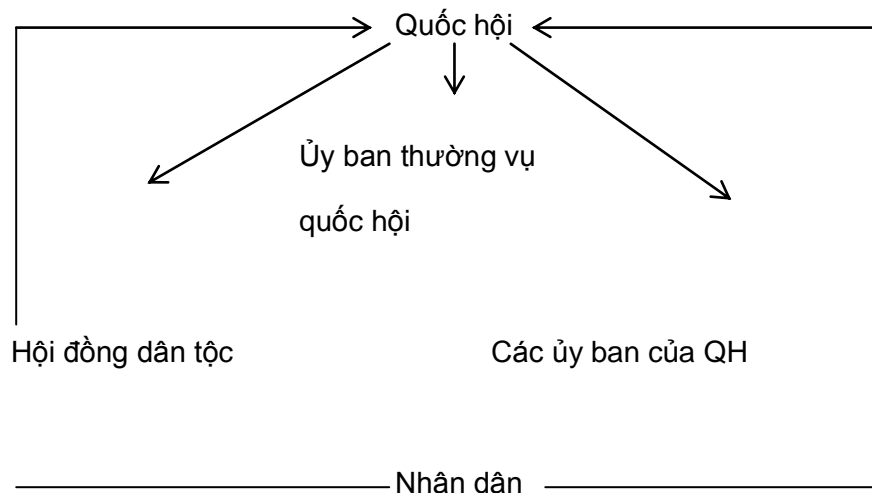
Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước như:

- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật
- Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tài chính, tiền tệ quốc gia; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; chính sách cơ bản về đối ngoại.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng CP, Chánh án TAND tối cao, viện trưởng VKSND tối cao...
- Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn
- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

❖ **Nhiệm kỳ và hoạt động của Quốc hội:**

- Nhiệm kỳ của mỗi khoá Quốc hội là 5 năm.
- Quốc hội họp mỗi năm 2 kỳ. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất 1/3 tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường.

❖ **Cơ cấu:**



Câu 8: Hãy trình bày khái niệm, chức năng và cơ cấu tổ chức, hoạt động của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam?

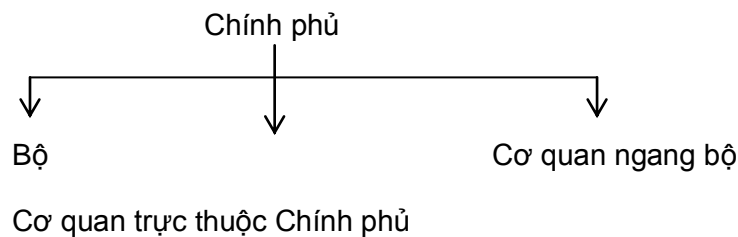
Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công táctrước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

❖ Nhiệm vụ và quyền hạn:(trích dẫn 1 số điều theo Hiến pháp 2013)

- Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

❖ Cơ cấu tổ chức:



- Chính phủ gồm Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

+ Thủ tướng CP do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Thủ tướng CP là người đứng đầu CP, chịu trách nhiệm về hoạt động của CP và những nhiệm vụ được giao.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên CP và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ; lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

- Chính phủ Việt Nam hiện nay có 18 bộ, 4 cơ quan ngang bộ và 8 cơ quan trực thuộc Chính phủ.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com